

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **315/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 30 - 10 - 2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Huỳnh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Duyên Văn Hiền.

Ông Bùi Xuân Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 656/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/10/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Tú V, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Các đương sự có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2020 của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:**

Vào năm 2015 chị V và anh H được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 04/6/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 72/2015). Thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Trần Thiên B, sinh 12/01/2016.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị V xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, dẫn đến đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ngoài ra anh H còn có

lời lẽ xúc phạm cha mẹ chị V, vợ chồng không sống chung với nhau hơn 1,5 năm nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại và hiện nay không còn tình cảm với anh H.

Chị V yêu cầu ly hôn với anh H; về con chung chị V yêu cầu nuôi cháu B, yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật và phương thức cấp dưỡng 03 tháng cấp dưỡng 01 lần; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:**

Thông nhất với lời trình bày của chị V về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh H cho rằng vợ chồng chung sống với nhau nhưng chị V nhưng không cùng quan điểm sống với anh H, nên vợ chồng có cự cãi với nhau nhằm để cho vợ chồng hiểu nhau hơn, sau đó vợ chồng không sống chung 1,5 năm, ban đầu không ai chủ động hàn gắn với ai, nhưng khoảng 04 tháng gần đây anh H có chủ động hàn gắn nhưng chị V không đồng ý, việc chị V cho rằng anh xúc phạm cha mẹ chị V là không có. Anh H khẳng định tình cảm vợ chồng vẫn còn hàn gắn được nên không đồng ý ly hôn.

Anh H yêu cầu được đoàn tụ với chị V. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con anh H yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con (nếu Tòa án giao con cho chị V nuôi thì anh H tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật và phương thức cấp dưỡng 03 tháng cấp dưỡng 01 lần), về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh H được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ và phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau.

Qua lời trình bày của chị V và anh H thì đời sống hôn nhân hiện nay cả hai đã không sống chung hơn 1,5 năm nhưng không hàn gắn trở lại được, chị V và anh H đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi với nhau và dẫn đến việc không sống chung với nhau, chị V cương quyết ly hôn với anh H vì cho rằng không còn tình cảm với anh H, còn anh H thì yêu cầu được đoàn tụ, nhưng từ khi Tòa án tổ chức hòa giải giữa hai bên cho đến ngày xét xử hôm nay thì anh H không chứng minh được vợ chồng đã hàn gắn được trở lại. Như vậy, có căn cứ khẳng định thực tế mối quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó xác định chị V và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nếu tiếp tục duy trì về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 72/2015 ngày 04/6/2015 của UBND xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:* Cháu Trần Thiên B hiện nay chưa đủ 07 tuổi, giữa chị V và anh H không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, cũng như quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét thấy từ khi chị V và anh H không sống chung với nhau thì chị V là người trực tiếp nuôi dạy cháu B và điều kiện sống của cháu B hiện nay tốt, chị V không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nên cần tiếp tục giao cháu B cho chị V nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị V, nếu anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị V yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng và phương thức cấp dưỡng 03 tháng cấp dưỡng 01 lần, anh H cũng tự nguyện cấp dưỡng theo yêu cầu của chị V. Hội đồng xét xử xét thấy việc tự nguyện của anh H không trái với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên cần ghi nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng thì phải chịu lãi và nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị V và anh H xác định không có và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên không xem xét, trường hợp sau này các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị V phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị V đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Tú V.

- Về hôn nhân: Cho chị Phạm Tú V ly hôn với anh Trần Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 72/2015 ngày 04/6/2015 của UBND xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị V trực tiếp nuôi dạy cháu Trần Thiên B, sinh 12/01/2016.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị V, nếu anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Thiên B, sinh 12/01/2016 mỗi tháng với số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 03 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 30/10/2020. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án mà anh H chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì hàng tháng anh H còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị V phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị V đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004038 ngày 01/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ. Anh H phải nộp án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(ĐÃ KÝ)**

**Trương Huỳnh Hải**